

Số: 466/QĐ-ĐHTĐ

Cần Thơ, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021, Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐT-ĐHTĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Tây Đô;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-HĐT-ĐHTĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô, nhiệm kỳ năm 2021 – 2026;

Xét đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Trường Đại học Tây Đô.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Đô có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, TC-HC.



Số: 466/QĐ-ĐHTĐ

Cần Thơ, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021, Thông tư 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐT-ĐHTĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Tây Đô;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-HĐT-ĐHTĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô, nhiệm kỳ năm 2021 – 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Trường Đại học Tây Đô.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Đô có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, TC-HC.



Cần Thơ, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUY CHẾ

Tuyển sinh đại học chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 466/QĐ-ĐHTĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học cho các hình thức đào tạo; quy định cụ thể về tổ chức xét tuyển đào tạo hình thức chính quy.

2. Quy chế này áp dụng đối với công tác tuyển sinh đại học các hình thức chính quy tại Trường Đại học Tây Đô năm 2023. Quy chế này sẽ tiếp tục điều chỉnh hàng năm để phù hợp với các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo của trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của trường.

3. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng của Nhà trường (hoặc xử lý chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo, ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do nhà trường xác định.

4. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

5. Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

6. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo

quy định của Quy chế này và đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng đầu vào.

7. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

8. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

9. Điểm trúng tuyển (của một nhóm ngành, một ngành, một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

10. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

11. Cổng thông tin tuyển sinh (của Bộ GDĐT) là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

12. Mã trường là một mã số quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo.

13. Mã xét tuyển là một mã số quy ước thống nhất trong cơ sở đào tạo dùng để định danh một nhóm ngành, một ngành hoặc một chương trình đào tạo, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

14. Cổng thông tin tuyển sinh (của Bộ GDĐT) là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

15. Mã trường là một mã số quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo.

16. Mã xét tuyển là một mã số quy ước thống nhất trong cơ sở đào tạo dùng để định danh một nhóm ngành, một ngành hoặc một chương trình đào tạo, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường Đại học Tây Đô được thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trường Đại học Tây Đô được thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3. Nhà trường phối hợp chặt chẽ dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào

tạo nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo và của toàn hệ thống.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực (trừ những quy định của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng mang tính đặc thù trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh); hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

d) Về thực hiện cam kết: Nhà trường cam kết tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Nhà trường công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua cổng thông tin điện tử của trường, các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Nhà trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, nhà trường có quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự

tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh và được công khai trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của trường.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Tổ hợp môn xét tuyển và các phương thức tuyển sinh

1. Các tổ hợp môn xét tuyển

a. Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo trong đó có môn toán hoặc ngữ văn. Danh mục tổ hợp môn xét tuyển theo từng ngành đào tạo được xác định theo Phụ lục 1 của quy chế này.

b. Một ngành, một chương trình đào tạo sử dụng đồng thời bốn tổ hợp môn để xét tuyển, trong đó điểm chênh lệch giữa các tổ hợp khi xác định điều kiện trúng tuyển được quy định như sau:

+ Không áp dụng mức điểm chênh lệch giữa các nhóm môn xét tuyển, các nhóm môn tham gia xét tuyển có điểm trúng tuyển bằng nhau. Hay nói cách khác điểm chênh lệch giữa các nhóm môn xét tuyển là 0 (không) điểm.

+ Điều kiện phụ trong xét tuyển kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia: Nếu các thí sinh xét tuyển có tổng điểm 03 môn thuộc nhóm môn tham gia xét tuyển cùng bằng điểm nhau đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào phải loại nhau do chỉ tiêu có hạn, Hội đồng tuyển sinh xét tiếp các điều kiện phụ theo thứ tự ưu tiên như sau:

* Ưu tiên 1: Thí sinh có điểm môn chính (Môn toán hoặc môn Ngữ văn) lớn hơn.

* Ưu tiên 2: Thí sinh có điểm trung bình môn chính cả 03 năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12 lớn hơn.

* Ưu tiên 3: Thí sinh có điểm trung bình 2 môn còn lại trong nhóm môn xét tuyển của 03 năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12 lớn hơn.

2. Phương thức xét học bạ

a. Hình thức xét tuyển:

Hình thức 1: Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$ĐXT = \text{Điểm trung bình chung (ĐTB)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐUTXT)}$.

$ĐTB = (\text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3})$.

$ĐUTXT = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3$.

(ĐTB và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

- Hình thức 2: Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$ĐXT = ĐTB + ĐUTXT$

$ĐTB = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3})$

$ĐTB \text{ Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB}$

học kỳ I lớp 12 môn 1) ÷3.

$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$

$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$

$\text{ĐUTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

- Hình thức 3:

Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 11 và học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$\text{ĐXT} = \text{ĐTBC} + \text{ĐUTXT}$

$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3})$

$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 1}) \div 3.$

$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$

$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$

$\text{ĐUTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

b. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

+ Mẫu phiếu đăng ký xét tuyển của Trường (đăng tải trên website của trường www.ts.tdu.edu.vn)

+ Bản photo có chứng thực học bạ (hoặc bản photo kèm theo bản chính để đối chiếu).

+ Bản photo có chứng thực (hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp đối với học sinh đã tốt nghiệp từ những năm trước năm tuyển sinh.

3. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia

a. Hình thức xét tuyển

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Tây Đô trên hệ thống chung và thực hiện theo quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đối với ngành Dược học và ngành Điều dưỡng điểm xét tuyển bằng ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

+ Các ngành còn lại điểm xét tuyển bằng ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do trường Đại học Tây Đô quy định sau khi có kết quả thi THPT.

b. Hồ sơ xét tuyển

+ Giấy chứng nhận kết quả thi (bản chính)

+ Bản photo có chứng thực học bạ.

+ Bản photo có chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp đối với học sinh đã tốt nghiệp từ những năm trước năm tuyển sinh.

4. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực trong năm tuyển sinh của Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh

a. Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tham dự kỳ thi Đánh giá năng lực trong năm tuyển sinh do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ mức điểm xét tuyển do Trường Đại học Tây Đô quy định.

b. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng kí theo mẫu của trường
- Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh (bản photo).

- Bản photo có chứng thực (hoặc photo sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp.

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)

5. Các ngành, chương trình đào tạo được nhà trường phân bổ chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục I của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác

nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên — [(30 — Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

2. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

3. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Nhà trường có quy định cụ thể và công bố trong đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, ngành, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

1. Xét tuyển dựa vào điểm học bạ THPT

– Hình thức 1: Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Đối với ngành Dược học: Điểm trung bình cộng (ĐTBCC) các môn xét tuyển phải đạt từ 24 điểm trở lên và học lực cả năm lớp 12 đạt loại giỏi.

+ Đối với ngành Điều dưỡng: Điểm trung bình cộng của các môn xét tuyển đạt từ 19,5 điểm trở lên và học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.

+ Các ngành còn lại tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển đạt từ 16.5 điểm trở lên.

– Hình thức 2: Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Đối với ngành Dược học: Điểm trung bình cộng (ĐTBCC) các môn xét tuyển phải đạt từ 24 điểm trở lên và học lực cả năm lớp 12 đạt loại giỏi.

+ Đối với ngành Điều dưỡng: Điểm trung bình cộng của các môn xét tuyển đạt từ 19,5 điểm trở lên và học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.

+ Các ngành còn lại tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển đạt từ 16.5 điểm trở lên.

– Hình thức 3: Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 11 và học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Đối với ngành Dược học: Điểm trung bình cộng (ĐTBCC) các môn xét tuyển phải đạt từ 24 điểm trở lên và học lực cả năm lớp 12 đạt loại giỏi.

+ Đối với ngành Điều dưỡng: Điểm trung bình cộng của các môn xét tuyển đạt từ 19,5 điểm trở lên và học lực năm lớp 12 đạt loại khá trở lên.

+ Các ngành còn lại tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển đạt từ 16.5 điểm trở lên.

2. Xét tuyển dựa vào kỳ thi THPT Quốc Gia

Sử dụng kết quả kỳ thi trung học phổ thông (THPT) Quốc Gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức để xét tuyển đại học chính quy cụ thể như sau: Tổng điểm 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển phải đạt điểm tối thiểu bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường Đại học Tây Đô. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được nhà trường

công khai đúng thời gian theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Xét tuyển dựa vào kỳ thi đánh giá năng lực năm tuyển sinh do Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

Điểm xét tuyển tối thiểu bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường Đại học Tây Đô. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được nhà trường công khai đúng thời gian theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng (giấy gọi nhập ngũ) tới Nhà trường. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả do nhà trường quy định dựa trên đơn của từng thí sinh, nhưng không ít hơn 3 năm đối với người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 11. Đề án tuyển sinh

1. Nhà trường xây dựng, công bố và thực hiện đề án tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thí sinh lựa chọn ngành, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường.

2. Nội dung chủ yếu của đề án tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về nhà trường, các ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỉ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp.

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học chính quy phải phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành),

gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành, chương trình đào tạo; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của nhà trường.

3. Nhà trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương II TỔ CHỨC XÉT TUYỂN

Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Nhà trường phối hợp với Bộ GDĐT thực hiện các quy trình cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy:

a) Đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là hệ thống trong phạm vi Chương này) và trên cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại trường theo các phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh;

c) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại trường);

d) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học tại cơ sở đào tạo.

2. Căn cứ kế hoạch chung, nhà trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh riêng và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ đề án tuyển sinh đã công bố, nhà trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại trường.

2. Nhà trường tiến hành tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả theo kế hoạch tuyển sinh của trường.

3. Thí sinh trúng tuyển thẳng có thể xác nhận nhập học sớm (khi đủ điều kiện), hoặc theo kế hoạch chung của trường như những thí sinh khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng chưa xác nhận nhập học vẫn được sử dụng quyền đăng ký xét tuyển trên hệ thống chung và các hình thức xét tuyển khác của trường để có thêm cơ hội trúng tuyển như những thí sinh khác.

Điều 14. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm

1. Nhà trường có kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh, tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại trường.

2. Nhà trường thông báo, tư vấn cho thí sinh đã dự tuyển vào trường theo kế hoạch xét tuyển sớm sau đó phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

a) Trường hợp thí sinh đã được Nhà trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) một nguyện vọng nhất định, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống (tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).

b) Trường hợp không đủ điều kiện trúng tuyển vào một ngành đào tạo theo nguyện vọng, thí sinh vẫn có thể tiếp tục đăng ký ngành đào tạo đó theo phương thức tuyển sinh khác trên hệ thống hoặc các đợt tuyển sinh bổ sung theo thông báo tuyển sinh của trường.

Điều 15. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

1. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển sớm trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều tổ hợp khác nhau của ngành đào tạo không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

3. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh (theo hướng dẫn của Bộ GDĐT) như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- b) Lựa chọn ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo (mã ngành);
- c) Lựa chọn phương thức tuyển sinh (mã phương thức);
- d) Lựa chọn tổ hợp xét tuyển (mã tổ hợp) đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi theo bài thi/môn thi, hoặc phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT.

Điều 16. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Hội đồng tuyển sinh trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc tự nguyện phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung theo lịch trình và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống, nhà trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống để phục vụ xét tuyển, bao gồm dữ liệu đăng ký nguyện vọng và kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập cấp THPT của những thí sinh dự tuyển vào trường theo các phương thức tuyển sinh.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một ngành đào tạo (hoặc một chương trình đào tạo) theo một phương thức và tổ hợp môn, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp

quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, nhà trường áp dụng tiêu chí chênh lệch theo khoản b, Điều 6 của quy chế này.

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, nhà trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, nhà trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, nhà trường quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển.

Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, hội đồng tuyển sinh của trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

6. Nhà trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của trường theo quy định.

Điều 17. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Nhà trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống hoặc trực tiếp tại trường trước khi làm thủ tục nhập học.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và nhà trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Nhà trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

4. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được trường khác cho phép.

Điều 18. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, chương trình đào tạo, hội đồng tuyển sinh của trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Nhà trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển, thời gian xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường sẽ công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học.

Điều 19. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của các Nhà trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để nhà trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của nhà trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

b) Quy định về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của nhà trường mà không đủ điều kiện;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển

của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 20. Phòng Tuyển sinh và Truyền thông

Phòng Tuyển sinh và Truyền thông phối hợp cùng các đơn vị có liên quan xây dựng, rà soát quy chế tuyển sinh hàng năm theo tình hình thực tế và theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 21. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh

1. Tổ chức tuyển sinh theo đề án và quy chế tuyển sinh của trường đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Hội đồng trường, Ban Giám hiệu nhà trường, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của nhà trường.

2. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học; báo cáo những nội dung theo quy định của Quy chế này, báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

3. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và các quy định về lưu trữ của nhà trường.

Điều 22. Ban Thanh tra - pháp chế

Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong đề án tuyển sinh của cơ sở đào tạo; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh của nhà trường theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên cơ hữu của các nhà trường, hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xử lý theo quy định của Bộ Luật lao động, các văn bản pháp luật có liên quan và theo quy định thi đua khen thưởng, kỷ luật của nhà trường.

2. Hội đồng tuyển sinh vi phạm về công tác tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành và quy định của nhà trường.

PHỤ LỤC
TỔ HỢP XÉT TUYỂN THEO NGÀNH ĐÀO TẠO

TT	Mã ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
			Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	7340301	Kế toán	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)	Toán
2	7340201	Tài chính ngân hàng	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)	Toán
3	7340101	Quản trị kinh doanh	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)	Toán
4	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)	Toán

TT	Mã ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
			Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
5	7340115	Marketing	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)	Toán
6	7380107	Luật kinh tế	Ngữ văn, Tiếng Anh, GDCD (D66)	Ngữ văn	Toán, Tiếng Anh, GDCD (D84)	Toán	Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14)	Ngữ văn		
7	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Toán	Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01)	Toán
8	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Sinh học (A02)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01)	Toán

TT	Mã ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
			Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
9	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Sinh học (A02)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01)	Toán
10	7440112	Hoá học (chuyên ngành Hoá dược)	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán
11	7480201	Công nghệ thông tin	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Sinh học (A02)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01)	Toán
12	7540101	Công nghệ thực phẩm	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Sinh học (A02)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01)	Toán
13	7620301	Nuôi trồng	Toán, Vật	Toán	Toán, Vật	Toán	Toán, Hóa	Toán	Toán, Hóa	Toán

TT	Mã ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển <i>thủy sản</i>	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
			Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
			<i>lý, Hóa học (A00)</i>		<i>lý, Tiếng Anh (A01)</i>		<i>học, Sinh học (B00)</i>		<i>học, Tiếng Anh (D07)</i>	
14	7620105	<i>Chăn nuôi</i>	<i>Toán , Vật lý, Hóa học (A00)</i>	Toán	<i>Toán, Vật lý, Sinh học (A02)</i>	Toán	<i>Toán, Hóa học, Sinh học (B00)</i>	Toán	<i>Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)</i>	Toán
15	7640101	<i>Thú y</i>	<i>Toán, Hóa học, Sinh học (B00)</i>	Toán	<i>Toán, Hóa học, Địa lý (A06)</i>	Toán	<i>Toán, Sinh học, Địa lý (B02)</i>	Toán	<i>Toán, Hóa học, Ngữ văn (C02)</i>	Toán
16	7720201	<i>Dược học</i>	<i>Toán, Vật lý, Hóa học (A00)</i>	Toán	<i>Toán, Hóa học, Sinh học (B00)</i>	Toán	<i>Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)</i>	Toán	<i>Toán, Hóa học, Ngữ văn (C02)</i>	Toán
17	7720301	<i>Điều dưỡng</i>	<i>Toán, Vật</i>	Toán	<i>Toán, Hóa</i>	Toán	<i>Toán, Sinh</i>	Toán	<i>Toán, Sinh</i>	Toán

TT	Mã ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
			Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
			<i>lý, Sinh học (A02)</i>		<i>học, Sinh học (B00)</i>		<i>học, Tiếng Anh (D08)</i>		<i>học, Ngữ văn (B03)</i>	
18	7720401	Dinh dưỡng	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
19	7229040	Văn hóa học	<i>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý (D15)</i>	Ngữ văn	<i>Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)</i>	Ngữ văn
20	7229030	Văn học	<i>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý (D15)</i>	Ngữ văn	<i>Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)</i>	Ngữ văn
21	7220201	Ngôn ngữ Anh	<i>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý (D15)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ Văn, Tiếng Anh, GDCD (D66)</i>	Ngữ văn

TT	Mã ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
			Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
22	7310630	Việt Nam học	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)	Ngữ văn	Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14)	Ngữ văn	Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý (D15)	Ngữ văn
23	7850103	Quản lý đất đai	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Toán
24	7850101	Quản lý tài nguyên - môi trường	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)	Toán	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Toán
25	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	Toán	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	Toán	Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý (D15)	Ngữ văn
26	7810101	Du lịch	Toán, Ngữ	Toán	Ngữ văn,	Ngữ văn	Ngữ văn,	Ngữ văn	Ngữ văn,	Ngữ văn

TT	Mã ngành/ nhóm ngành	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
			Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
			<i>văn, Tiếng Anh (D01)</i>		<i>Lịch sử, Địa lý (C00)</i>		<i>Tiếng Anh, Lịch sử (D14)</i>		<i>Tiếng Anh, Địa lý (D15)</i>	
27	7810201	<i>Quản trị khách sạn</i>	<i>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)</i>	Toán	<i>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý (D15)</i>	Ngữ văn
28	7810103	<i>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</i>	<i>Toán, Vật lý, Hóa học (A00)</i>	Toán	<i>Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)</i>	Toán	<i>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)</i>	Ngữ văn	<i>Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)</i>	Ngữ văn
29	7210403	<i>Thiết kế đồ họa</i>	<i>Toán, Ngữ văn, Địa lý (C04)</i>	Toán	<i>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)</i>	Ngữ văn	<i>Toán, Tiếng Anh, Địa lý (D10)</i>	Ngữ văn	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý (D15)</i>	Ngữ văn